

# Hộp công tắc giới hạn SRBE-CA3-YR90-MW-22A-1W-C2N12-EX

Số bộ phận: 3471008

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thiết kế                                        | góc                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Dựa trên tiêu chuẩn                             | ISO 5211<br>VDI/VDE 3845                                                                                                                                                                                                                                   |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)             | theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)<br>theo chỉ thị điện áp thấp của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                                                                                                                                   |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)           | theo quy định UK EX<br>theo các quy định UK RoHS<br>theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện                                                                                                                                                 |
| Chống cháy nổ                                   | Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 1 (BR)<br>Vùng 1 (CN)<br>Vùng 1 (IEC EX)<br>Vùng 1 (KR)<br>Vùng 1 (UKEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 21 (BR)<br>Vùng 21 (CN)<br>Vùng 21 (IEC EX)<br>Vùng 21 (VÀO)<br>Vùng 21 (KR)<br>Vùng 21 (UKEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Danh mục ATEX Khí                               | II 2G                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Loại chống cháy nổ Khí                          | Ex db IIC T6 Gb                                                                                                                                                                                                                                            |
| Danh mục ATEX Bụi                               | II 2D                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Loại chống cháy nổ Bụi                          | Ex tb IIIC T...°C Db                                                                                                                                                                                                                                       |
| Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu | EPL Db (BR)<br>EPL Db (CN)<br>EPL Db (GB)<br>EPL Db (IEC-EX)<br>EPL Db (IN)<br>EPL Db (KR)<br>EPL GB (BR)<br>EPL Gb (CN)<br>EPL Gb (GB)<br>EPL Gb (IEC-EX)<br>EPL Gb (IN)<br>EPL Gb (KR)                                                                   |

| Đặc tính                                                                           | Giá trị                                                                                                                                                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài                                               | -20°C ≤ Ta ≤ +60°C                                                                                                                                                              |
| Nhiệt độ bề mặt tối đa                                                             | 75 °C                                                                                                                                                                           |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                                                              | 18-GA4BO-0430X<br>18-GA4BO-0431X<br>DNV 16.0067X<br>Chứng nhận Eurocert SIL202587141<br>FTZU 15 ATEX 0095X<br>GYJ16.1497X<br>GYJ23.1167X<br>IECEX FTZU 15.0014X<br>KCC-18-GA4BO |
| Ghi chú vật liệu                                                                   | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                                                   |
| Safety Integrity Level (SIL)                                                       | SIL 3                                                                                                                                                                           |
| Nguyên tắc đo lường                                                                | cơ điện                                                                                                                                                                         |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                                     | -20 °C...60 °C                                                                                                                                                                  |
| Đầu ra chuyển mạch                                                                 | nhạy chạm                                                                                                                                                                       |
| Chức năng phần tử chuyển mạch                                                      | Công tắc chuyển đổi, cực đơn                                                                                                                                                    |
| Dòng điện đầu ra tối đa AC                                                         | 3 A                                                                                                                                                                             |
| Dòng điện đầu ra tối đa DC                                                         | 6 A                                                                                                                                                                             |
| Dải điện áp hoạt động AC                                                           | 0 V...230 V                                                                                                                                                                     |
| Dải điện áp hoạt động DC                                                           | 0 V...30 V                                                                                                                                                                      |
| Loại công tắc micro                                                                | CHERRY D44                                                                                                                                                                      |
| Cổng nối điện                                                                      | 10 cực<br>Đầu kẹp vít                                                                                                                                                           |
| Mặt cắt danh định của dây dẫn có thể kết nối                                       | 0.25 mm²...2.5 mm²                                                                                                                                                              |
| Bộ kết nối cáp                                                                     | 1/2 NPT                                                                                                                                                                         |
| Kiểu gắn                                                                           | theo VDI/VDE 3845                                                                                                                                                               |
| Vị trí kết nối cho bộ điều khiển vị trí và chỉ báo vị trí tương ứng với tiêu chuẩn | VDI/VDE 3845 cỡ AA 1                                                                                                                                                            |
| Vị trí lắp đặt                                                                     | bất kỳ                                                                                                                                                                          |
| trọng lượng sản phẩm                                                               | 1700 g                                                                                                                                                                          |
| nhà màu                                                                            | màu bạc                                                                                                                                                                         |
| Vật liệu vỏ                                                                        | Nhôm đúc áp lực, sơn                                                                                                                                                            |
| Vật liệu cửa phốt                                                                  | NBR                                                                                                                                                                             |
| Vật liệu trục                                                                      | thép không gỉ hợp kim cao                                                                                                                                                       |
| Vật liệu vít                                                                       | thép hợp kim cao không gỉ                                                                                                                                                       |
| Vật liệu góc gắn                                                                   | thép không gỉ hợp kim cao                                                                                                                                                       |
| Vật liệu con trỏ                                                                   | PC                                                                                                                                                                              |
| Vật liệu vòng chụp                                                                 | thép không gỉ hợp kim cao                                                                                                                                                       |
| Vật liệu đĩa                                                                       | thép hợp kim cao không gỉ                                                                                                                                                       |
| Bộ chỉ thị vị trí                                                                  | vàng/đỏ                                                                                                                                                                         |
| Phạm vi cài đặt phát hiện góc                                                      | 0 °...90 °                                                                                                                                                                      |
| Nhiệt độ bảo quản                                                                  | -20 °C...60 °C                                                                                                                                                                  |
| Mức độ bảo vệ                                                                      | IP67<br>NEMA 4/4X                                                                                                                                                               |
| chống sốc                                                                          | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27                                                                                                     |
| Khả năng chống rung                                                                | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6                                                                                            |
| Tuân thủ LABS                                                                      | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                                                              |
| mức độ ô nhiễm                                                                     | 3                                                                                                                                                                               |